

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện Phước Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>507.230.000.000</b>	<b>1.253.304.806.241</b>	<b>746.074.806.241</b>	<b>247,1</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>257.538.000.000</b>	<b>409.041.232.241</b>	<b>151.503.232.241</b>	<b>158,8</b>
1	Thu NSDP hưởng 100%	136.175.000.000	211.158.795.260	74.983.795.260	155,1
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	121.363.000.000	197.882.436.981	76.519.436.981	163,1
<b>II</b>	<b>Thuy huy động, đóng góp</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.066.675.318</b>	<b>-933.324.682</b>	<b>53,3</b>
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>174.972.000.000</b>	<b>420.559.803.756</b>	<b>245.587.803.756</b>	<b>240,4</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	38.906.000.000	38.906.000.000	0	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	136.066.000.000	381.653.803.756	245.587.803.756	280,5
<b>IV</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>V</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>4.847.127.508</b>	<b>4.847.127.508</b>	
<b>VI</b>	<b>Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyên sang</b>	<b>72.720.000.000</b>	<b>417.789.967.418</b>	<b>345.069.967.418</b>	<b>574,5</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>507.230.000.000</b>	<b>1.253.286.025.334</b>	<b>746.056.025.334</b>	<b>247,1</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>507.230.000.000</b>	<b>503.605.462.010</b>	<b>-3.624.537.990</b>	<b>99,3</b>
1	Chi đầu tư phát triển	148.498.000.000	165.456.942.301	16.958.942.301	111,4
2	Chi thường xuyên	347.052.000.000	338.148.519.709	-8.903.480.291	97,4
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	11.680.000.000		-11.680.000.000	0,0
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>0</b>	<b>83.071.735.779</b>	<b>83.071.735.779</b>	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	34.992.434.500	34.992.434.500	
	- Chi đầu tư		30.618.535.500	30.618.535.500	
	- Chi thường xuyên		4.373.899.000	4.373.899.000	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	48.079.301.279	48.079.301.279	
	- Chi đầu tư		48.079.301.279	48.079.301.279	
	- Chi thường xuyên		0	0	
<b>III</b>	<b>Chi chuyên nguồn sang năm sau</b>		<b>641.476.224.494</b>	<b>641.476.224.494</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi nộp trả ngân sách cấp trên</b>		<b>25.132.603.051</b>	<b>25.132.603.051</b>	
<b>C</b>	<b>KẾT DƯ NSDP</b>	<b>0</b>	<b>18.780.907</b>	<b>18.780.907</b>	

**Ghi chú:** (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và trả nợ gốc vay.